

Bản án số: **36/2026/HS-ST**
Ngày 27-5-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hiền.

Ông Lê Văn Tài.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Sĩ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Thị Đông Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 34/2026/TLST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2026/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2026 đối với bị cáo:

Đỗ Ngọc Duy L, (tên gọi khác: không), sinh ngày 29 tháng 01 năm 1992 tại tỉnh Bến Tre (nay là tỉnh Vĩnh Long); nơi đăng ký thường trú: ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Ngọc T, sinh năm 1964 (đã chết) và bà Bùi Thị Hồng T1, sinh năm 1971 (đã chết);

Tiền án: không.

Tiền sự: có 01 tiền sự. Năm 2023: có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh) áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 18 tháng theo Quyết định số 276/2023/QĐ-TA ngày 22/3/2023. Ngày 10/5/2024 chấp hành xong Quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Ngày 30/12/2024 Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện ma túy theo Quyết định số 385/QĐ-UBND ngày 30/12/2024.

Nhân thân:

- Năm 2006, có hành vi trộm cắp tài sản. Ủy ban nhân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) áp dụng biện pháp giáo dục tại cấp xã theo Quyết

định số 75/QĐ-UB ngày 13/10/2006.

- Năm 2007: có hành vi trộm cắp tài sản. Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre áp dụng biện pháp đưa vào trường G thời hạn 24 tháng theo Quyết định số 1852/QĐ-UBND ngày 15/5/2007, Ngày 01/4/2009 chấp hành xong quyết định.

- Năm 2010: có hành vi cùng đồng bọn cướp tài sản. Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Vĩnh Long) tuyên phạt 06 năm 06 tháng tù giam theo Bản án số 16/2011/HSST ngày 30/5/2011. Ngày 13/10/2016 chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương.

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày ngày 25/3/2026 cho đến nay; bị cáo tại ngoại, có mặt tại Tòa.

* **Bị hại:** Bà Lê Thị Kim Đ, sinh năm 1974. Nơi cư trú: số B, ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long. (có đơn xin vắng mặt)

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Huỳnh Khánh H, sinh năm 1985. Nơi cư trú: ấp P, xã M, tỉnh Vĩnh Long. (có đơn xin vắng mặt)

- Bà Phan Thị T2, sinh năm 1961. Nơi cư trú: số B, ấp V, xã M, tỉnh Vĩnh Long. (có đơn xin vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị Trúc L1, sinh năm 1984. Nơi cư trú: ấp V, xã M, tỉnh Vĩnh Long. (có đơn xin vắng mặt)

* **Người làm chứng:**

- Ông Trần Văn Đ1, sinh năm 1979. Nơi cư trú: ấp D, xã M, tỉnh Vĩnh Long. (có đơn xin vắng mặt)

- Ông Ngô Đức U, sinh năm 1986. Nơi cư trú: ấp V, xã M, tỉnh Vĩnh Long. (có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 08/11/2025, bị cáo Đỗ Ngọc Duy L đi bộ ngang qua nhà bà Lê Thị Kim Đ ở ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long thì thấy ở khu vực nhà tiền chế có dựng một chiếc xe gắn máy nhãn hiệu SYM, số loại ANGELA, biển số 49AF-013.24, không có người trông coi nên bị cáo L nảy sinh ý định lấy trộm. Lúc này bị cáo L đi vào trong sân, đến nơi đậu chiếc xe thì thấy xe có gắn sẵn chìa khoá liền đi đến dẫn chiếc xe trên ra đường rồi điều khiển xe trộm được đi về khu vực Bến xe M Bị cáo L dừng xe lại, kiểm tra bên trong cốp xe thì thấy có giấy đăng ký xe gắn máy biển số 49AF-013.24.

Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, bị cáo L điều khiển xe gắn máy biển số 49AF-013.24 đến nhà bạn là ông Trần Văn Đ1, ở ấp D, xã M, tỉnh Vĩnh Long nhờ Đ1 tìm người cầm hoặc bán chiếc xe trên. Bị cáo L nói với ông Đ1 xe trên là của L có giấy tờ do cần tiền mới bán. Nghe vậy, ông Đ1 điện thoại cho ông Huỳnh Khánh H, ở ấp P, xã M, tỉnh Vĩnh Long hỏi ông H có cần mua xe không thì ông H đồng ý mua. Theo sự chỉ đường của ông H, ông Đ1 điều khiển xe của ông Đ1, ông L điều khiển xe gắn máy biển số 49AF-013.24 đến nhà của ông Ngô Đức U, ở ấp V, xã M, tỉnh Vĩnh Long để gặp ông H. Bị cáo L kêu bán chiếc xe biển số 49AF-013.24 cho ông H với giá 1.500.000 đồng. Sau khi xem xe xong, ông H yêu cầu phải viết giấy mua bán xe và bị cáo L ký xác nhận thì ông H mới mua. Khi bị cáo L viết giấy mua bán xe xong, ông H và bị cáo L cùng ký tên vào giấy mua bán, ông H trả cho L số tiền 1.500.000 đồng. Bị cáo L giao xe gắn máy biển số 49AF-013.24 cùng giấy đăng ký xe và giấy mua bán cho ông H giữ. Sau khi mua xe, ông H đã bán lại chiếc xe biển số 49AF-013.24 cho bà Phan Thị T2, ở ấp V, xã M, tỉnh Vĩnh Long với giá tiền 2.300.000 đồng. Bà T2 đã cho lại chiếc xe trên cho con dâu là bà Nguyễn Thị Trúc L1, ở ấp V, xã M, tỉnh Vĩnh Long để làm phương tiện đi lại. Đến khoảng 17 giờ 30 phút ngày 29/11/2025, bà Lê Thị Kim Đ phát hiện chiếc xe gắn máy biển số 49AF-013.24 của mình bị mất vào ngày 08/11/2025 đang đậu trước tiệm ĐIỆP NGUYỄN ở ấp D, xã M, tỉnh Vĩnh Long nên trình báo vụ việc đến Công an xã M

* Vật chứng, đồ vật tạm giữ, gồm:

- 01 xe gắn máy hai bánh, nhãn hiệu SYM, số loại ANGELA, biển số 49AF-013.24 màu sơn đen vàng, số máy MSB1BD017057, số khung 05CDFD017057 (đã qua sử dụng, do Nguyễn Thị Trúc L1 giao nộp);

- 01 giấy đăng chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 003650, biển số đăng ký 49AF-013.24, tên chủ xe Nguyễn Thanh B (bản gốc);

Kết luận định giá tài sản số: 257/KL-HĐĐGTS ngày 17/12/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xã T, tỉnh Vĩnh Long kết luận: 01 (một) xe gắn máy hai bánh, nhãn hiệu: SYM, số loại: ANGELA, màu sơn: đen, vàng, biển số: 49AF-013.24, số máy: MSE1BD017057, số khung: 05CDFD017057, hai bánh cãm, thắng trước và sau là thắng đùm, xe có 02 gương chiếu hậu, phía trước có gắn бага bằng kim loại màu trắng (xe đã qua sử dụng), giá trị còn lại vào ngày 08/11/2025 là 4.500.000 đồng. Bị cáo, bị hại đồng ý kết luận định giá tài sản, không có yêu cầu định giá lại.

Bản kết luận giám định số 162/2026/KL-KTHS-KV2 ngày 15/3/2026 của Phòng K - Công an tỉnh V đối với chữ viết và chữ ký trên giấy buôn bán xe, kết luận như sau: Chữ viết từ dòng 1 đến dòng 4 (tính từ trên xuống) có nội dung từ “Cộng Hoà Xã Hội chủ nghĩa V” đến “Tên. Đỗ ngọc Duy Linh” trên mẫu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ viết mang tên “Huỳnh Khánh H” trên mẫu so sánh (ký hiệu M3,

M4) do cùng một người viết ra. Chữ viết từ dòng 4 đến dòng 16 (tính từ trên xuống) có nội dung từ “Thành Thới A. Mỏ Cày N - Bến Tre” đến “người bán Người Mua” trên mẫu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ viết mang tên “Đỗ Ngọc Duy L” trên mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2) do cùng một người viết ra. Chữ ký, chữ viết tên “Đỗ Ngọc Duy L” dưới mục “người bán” trên mẫu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết mang tên “Đỗ Ngọc Duy L” trên mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2) do cùng một người ký, viết ra. Chữ ký, chữ viết tên “Huỳnh Khánh H” dưới mục “Người Mua” trên, mẫu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết mang tên "Huỳnh Khánh H" trên mẫu so sánh (ký hiệu M3, M4) do cùng một người ký, viết ra. Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đồng ý kết luận giám định.

Đối với xe gắn máy nhãn hiệu SYM, số loại ANGELA, biển số: 49AF-013.24 (đã qua sử dụng), qua xác minh là tài sản của bị hại Lê Thị Kim Đ quản lý, sử dụng nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V ra Quyết định xử lý vật chứng số B2030 ngày 05/3/2026 và đã trả lại cho bà Đ 01 xe gắn máy có đặc điểm như biên bản tạm giữ cùng giấy đăng chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 003650, biển số đăng ký 49AF-013.24.

Tại Bản cáo trạng số 12/CT-VKSKV9 ngày 12 tháng 5 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long truy tố bị cáo Đỗ Ngọc Duy L về “Tội trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự;

Tại phiên tòa:

Bị cáo Đỗ Ngọc Duy L đã khai nhận hành vi phù hợp nội dung bản Cáo trạng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: bảo lưu quan điểm cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Đỗ Ngọc Duy L đề nghị Hội đồng xét xử:

-Về trách nhiệm hình sự:

+ Đề nghị tuyên bố bị cáo Đỗ Ngọc Duy L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Đỗ Ngọc Duy L từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

+ Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 BLTTHS, Điều 46, 47 BLHS đề nghị: Ghi nhận quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V ra Quyết định xử lý vật chứng số B2030 ngày 05/3/2026 và đã trả lại cho bà Lê Thị Kim Đ 01 xe gắn máy có đặc điểm như biên bản tạm giữ cùng giấy đăng chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 003650, biển số đăng ký 49AF-013.24.

- Về trách nhiệm dân sự:

Bà Lê Thị Kim Đ đã nhận lại chiếc xe gắn máy 49AF-013.24 cùng giấy đăng ký xe, không có yêu cầu gì khác và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Huỳnh Khánh H đã trả lại cho bà Phan Thị T2 số tiền 2.300.000 đồng mua xe gắn máy biển số 49AF-013.24 do H bán, bà T2 không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự. Huỳnh Khánh H không có yêu cầu Đỗ Ngọc Duy L trả lại số tiền 1.500.000 đồng đã bán xe gắn máy biển số 49AF-013.24 cho H và H không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự.

- Bị cáo tranh luận: không.

- Bị cáo nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh V, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa; bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; tại phiên tòa bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt và đã có lời khai trong quá trình điều tra làm rõ tình tiết của vụ án; việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại các Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, vật chứng được thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định:

Lợi dụng sơ hở của người khác và cần tiền tiêu xài cá nhân nên khoảng 00 giờ 30 phút ngày 08/11/2025, tại nhà của bà Lê Thị Kim Đ, ở ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long, bị cáo Đỗ Ngọc Duy L đã có hành vi lén lút lấy trộm một chiếc xe gắn máy, nhãn hiệu SYM, số loại ANGELA, biển số 49AF-013.24 của bà Lê Thị Kim Đ, qua định giá xác định trị giá 4.500.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Đỗ Ngọc Duy L đã đủ yếu tố cấu thành “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Vì vậy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long đã truy tố bị cáo L về “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an toàn xã hội, gây hoang mang, bất bình trong nhân dân nên cần trừng trị nghiêm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy rằng: Bị cáo L không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo L có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” theo điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự (do tiền án đã được xóa); “Phạm tội gây thiệt hại không lớn” theo điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Bị cáo L còn có thêm tình tiết giảm nhẹ “bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo” theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

[5] Về áp dụng hình phạt đối với bị cáo:

Qua cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét thấy: mặc dù bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại các điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nhưng bị cáo có 01 tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy đã bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và đã từng có tiền án về tội cướp tài sản đến nay đã được xóa án tích. Bị cáo là người đã thành niên và đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự bị cáo nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì lợi dụng sự sơ hở của người khác và bản tính tham lam, tư lợi cá nhân, muốn có tiền tiêu xài mà không phải bỏ công lao động nên bị cáo đã cố ý thực hiện và hậu quả xảy ra đúng như mong muốn của bị cáo. Điều đó, cho thấy bị cáo là người khó cải tạo giáo dục, thể hiện tính xem thường pháp luật của bị cáo. Vì vậy, cần phải áp dụng hình phạt tù để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về áp dụng hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định “Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Tuy nhiên, theo các tài liệu chứng cứ và lời khai của bị cáo L tại phiên toà, thấy rằng bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại bà Lê Thị Kim Đ đã nhận lại chiếc xe gắn máy 49AF-013.24 cùng giấy đăng ký xe và không có yêu cầu gì khác. Ông Huỳnh Khánh H đã trả lại cho bà Phan

Thị T2 số tiền 2.300.000 đồng mua xe gắn máy biển số 49AF-013.24 do H bán, bà T2 không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự. Ông Huỳnh Khánh H không có yêu cầu bị cáo Đỗ Ngọc Duy L trả lại số tiền 1.500.000 đồng đã bán xe gắn máy biển số 49AF-013.24 cho ông H và ông H không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự nên không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Áp dụng các Điều 46, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V ra Quyết định xử lý vật chứng số B2030 ngày 05/3/2026 và đã trả lại cho bà Đ 01 xe gắn máy có đặc điểm như biên bản tạm giữ cùng giấy đăng chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 003650, biển số đăng ký 49AF-013.24 là đúng quy định nên ghi nhận.

[8] Các vấn đề khác:

Đối với ông Trần Văn Đ1 có hành vi giới thiệu và liên lạc với ông Huỳnh Khánh H để bị cáo L bán xe. Ông Huỳnh Khánh H đã có hành vi mua xe biển số 49AF-013.24. Tuy nhiên, ông Đ1 và ông H không biết xe là do bị cáo L trộm cắp mà có nên không phạm tội.

- Luận tội và tranh luận của Kiểm sát viên về điều khoản, tội danh trộm cắp tài sản, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo L phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 21 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Đỗ Ngọc Duy L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đỗ Ngọc Duy L 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường nên không xem xét, giải quyết.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Khánh H không yêu cầu bị cáo L phải trả lại 1.500.000 đồng nên không xem xét.

3. Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: Áp dụng các Điều 46, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V ra Quyết định xử lý vật chứng số B2030 ngày 05/3/2026 và đã trả lại cho bà Đ 01 xe gắn máy có đặc điểm như biên bản tạm giữ cùng giấy đăng chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 003650, biển số đăng ký 49AF-013.24.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Đỗ Ngọc Duy L phải nộp: 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền và thời hạn kháng cáo:

Bị cáo có mặt được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng Hồ sơ Công an tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 9 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 9 – Vĩnh Long;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Công an xã Thành Thới;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Hữu Lộc